

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01-9-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Diệu

Ông Phạm Công Hạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 140/2021/QĐST- HNGĐ ngày 20/8/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn A2, Trại Kênh, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quốc T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A2, Trại Kênh, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị T và anh Trần Quốc T kết hôn với nhau vào năm 2005 trên cơ sở tình cảm tự nguyện, tự do tình cảm và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 02/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống trong làm ăn kinh tế, nuôi dạy con chung và lối sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau, không còn T cảm nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau, xúc phạm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Cho nên, từ năm 2014 vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định T cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

2. Về con chung:

Chị T trình bày chị và anh T có 02 con chung tên là Trần Văn Ly sinh ngày 12/11/2005 và Trần Quốc Huy sinh ngày 12/5/2007 hiện đang được chị trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung, về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cụ thể mà để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị T trình bày không có tài sản chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Quốc T là bị đơn trong vụ án, cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân và Công an xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị Hoàng Thị T và anh Trần Quốc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện T, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 02/11/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về sinh sống tại thôn A2, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá

trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ

chồng thường xuyên có xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hòa giải nhưng không thành. Chị T có đơn xin ly hôn, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm cho đến nay đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết.

Về con chung: Chị T và anh T có hai con chung tên là Trần Vân Ly sinh ngày 12/11/2005 và Trần Quốc Huy sinh ngày 12/5/2007 hiện nay hai con chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị T và anh T đều có khả năng nuôi con đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết. Về tài sản chung của vợ chồng: Địa phương không nắm được và đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã T theo đúng pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Trần Quốc T; về con chung: Giao cho Chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi 02 con chung tên là Trần Vân Ly sinh ngày 12/11/2005 và Trần Quốc Huy sinh ngày 12/5/2007 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Trần Quốc T đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 02/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện

trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2014, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên có xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hòa giải nhưng không thành. Cho nên mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng không thể hàn gắn T cảm được và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào T trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị T và anh T.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung tên là Trần Văn Ly sinh ngày 12/11/2005 và Trần Quốc Huy sinh ngày 12/5/2007. Khi ly hôn, chị T đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi các con chung. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét thấy, chị T đang trực tiếp nuôi các con chung vẫn ổn định và được đảm bảo tốt về mọi mặt. Con chung Trần Văn Ly và Trần Quốc Huy đều có nguyện vọng được ở với chị T khi vợ chồng ly hôn. Do vậy, cần giao con chung Trần Văn Ly và Trần Quốc Huy cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T không có trình bày quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T không có trình bày quan điểm nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Trần Quốc T.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi các con chung tên là Trần Văn Ly sinh ngày 12/11/2005 và Trần Quốc Huy sinh ngày 12/5/2007 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Trần Quốc T không có trình bày quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Trần Quốc T không có trình bày quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007389 ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T và anh Trần Quốc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H, T,
(Giấy CNKH số 79 ngày 02/11/2005);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân